

Số: 1184/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán
chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ổ
và vùng phụ cận, huyện Bình Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng

Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2021;

Theo đề nghị của UBND huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 11/10/2021 và Công văn số 3116/UBND-XD ngày 11/10/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 813/BCTĐ-SXD ngày 29/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô và vùng phụ cận, huyện Bình Sơn, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô và vùng phụ cận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Nhiệm vụ khảo sát

a) Mục đích khảo sát: Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô và vùng phụ cận, huyện Bình Sơn.

b) Phạm vi khảo sát xây dựng: Diện tích đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng 922 ha; diện tích đo vẽ mới là 505 ha, đo vẽ chỉnh lý 417 ha.

- Về lưới không chế mặt bằng, độ cao: Tận dụng 03 mốc đường chuyên hạng IV của Quy hoạch cốt nền, thoát nước mưa tỉnh Quảng Ngãi do Sở Xây dựng bàn giao cho thị trấn Châu Ô (theo bảng thống kê dưới) và 03 mốc hạng IV của hồ sơ khảo sát lập đề án Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô (phê duyệt

năm 2015) và các mốc trắc địa đã đo đạc địa hình của huyện nằm trong ranh giới của đồ án quy hoạch này.

Tên mốc	X	Y	Z
BS-SC1	1692019,718	581591,788	5,310
BS-SC2	1692247,729	581319,041	4,030
BS-SC3	1693101,146	580990,894	5,207

- Về diện tích đo vẽ: Phần đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng 417 ha, đơn giá đo chỉnh lý tạm tính bằng 65% đơn giá khảo sát. Khi triển khai lập phương án khảo sát, nhà thầu khảo sát có trách nhiệm kiểm tra, thống kê các bản đồ đo đạc hiện trạng đã có trong khu vực quy hoạch để thiết kế lại lưới đường chuyên, tính toán lại diện tích đo vẽ để điều chỉnh lại dự toán nếu có.

c) Khối lượng khảo sát:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
I	Lưới khống chế mặt bằng	điểm	46
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 1, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	7
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 1, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	11
3	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 2, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	11
4	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 2, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	17
II	Thủy chuẩn	km	23
1	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	9
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	14
III	Đo vẽ bản đồ địa hình	100ha	9,22
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II	100ha	1,95

2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III	100ha	3,10
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II (đo chỉnh lý- Đơn giá tạm tính bằng 65%)	100ha	1,66
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III (đo chỉnh lý- Đơn giá tạm tính bằng 65%)	100ha	2,51

3. Nhiệm vụ quy hoạch

a) Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Khu vực nghiên cứu lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô và vùng phụ cận, huyện Bình Sơn với tổng diện tích khoảng 1.195,7 ha (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Châu Ô là 820 ha, xã Bình Trung là 174,7 ha và xã Bình Long là 201,01 ha). Giới cận như sau:

- + Phía Đông giáp xã Bình Phước và sông Bi;
- + Phía Tây giáp đường sắt Bắc Nam, xã Bình Nguyên;
- + Phía Nam giáp xã Bình Long;
- + Phía Bắc giáp xã Bình Dương.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.
- Thời hạn lập quy hoạch
- + Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030;
- + Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2035.

b) Tính chất

- Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Bình Sơn, là đô thị thuộc Khu kinh tế Dung Quất, được quy hoạch xây dựng theo tiêu chuẩn đô thị loại IV; giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển Bình Sơn trở thành đô thị loại IV, thị xã trực thuộc tỉnh;

- Là đầu mối giao thông quan trọng giữa các xã trong huyện và giữa huyện Bình Sơn với các huyện lân cận;

- Là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho các khu vực khác trên địa bàn huyện.

c) Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch

c1) Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi, khu kinh tế Dung Quất nói chung và định hướng phát triển kinh tế xã hội huyện Bình Sơn nói riêng;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, quản lý quá trình cấp phép, xây dựng và phát triển đô thị;

- Tạo động lực thu hút đầu tư, khai thác các lợi thế của khu vực để phát triển kinh tế - xã hội bền vững; là cơ sở động lực ban đầu cho việc chuẩn bị đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khung đô thị.

c2) Nhiệm vụ quy hoạch

- Rà soát, đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nhu cầu thực tế tại địa phương;

- Rà soát, đánh giá những tồn tại, bất cập của đồ án Quy hoạch chung thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn đã phê duyệt năm 2015, xác định rõ những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp;

- Cập nhật, kết nối và đánh giá các đồ án quy hoạch, dự án liên quan đã phê duyệt, đang và sắp triển khai có liên quan đến khu vực quy hoạch;

- Phân tích, đánh giá vai trò của khu vực lập quy hoạch đối với Khu kinh tế Dung Quất; đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị phù hợp và kết nối đồng bộ với các khu chức năng khác trong Khu kinh tế Dung Quất;

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của đô thị; tổ chức không gian đô thị, quy hoạch công trình hạ tầng xã hội, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược; kế hoạch ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	QUY MÔ DÂN SỐ		
	- Giai đoạn đến năm 2030	người	25.000
	- Giai đoạn đến năm 2035	người	32.000
B	SỬ DỤNG ĐẤT		
I	Đất dân dụng đô thị	m²/người	≤100
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	≥28
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥4
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥5

	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8,0
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị		
1	Giáo dục		
-	Trường Phổ thông trung học	hs/1000 dân	40
		m ² /học sinh	10
2	Y tế	giường/1000 người	4
		m ² /giường	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8
		ha/công trình	3
4	Chợ	ha/công trình	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN 01: 2021/BXD	
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường chính khu vực)	%	≥13
2	Chỉ tiêu cấp nước		
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥ 100 (≥ 120 dài hạn)
3	Chỉ tiêu cấp điện		
-	Sinh hoạt	kwh/ng.năm	≥ 400 (≥ 1000 dài hạn)
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
4	Lượng nước thải		
-	Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80
5	Lượng rác thải	Kg/người.ngày	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥ 90%)
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥0,04

e) Các nội dung chủ yếu cần nghiên cứu

e1) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị.

e2) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã

có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan.

e3) Phân tích và làm rõ cơ sở hình thành phát triển của đô thị; vai trò, vị thế của đô thị đối với khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu về mô hình, cấu trúc phát triển không gian; định hướng kiến trúc, cảnh quan môi trường phù hợp với tính chất, chức năng của đô thị; phù hợp với định hướng phát triển và kết nối đồng bộ với các khu chức năng khác của khu kinh tế Dung Quất; xác định các giai đoạn phát triển, kế hoạch thực hiện, các dự án có tính chất tạo động lực hình thành phát triển đô thị mới và mô hình quản lý phát triển đô thị.

e4) Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn phát triển, đánh giá các chỉ tiêu của đô thị còn thiếu và định hướng lộ trình, dự báo nguồn lực thực hiện.

e5) Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp quy hoạch ứng phó với kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại khu vực quy hoạch.

e6) Quy hoạch sử dụng đất của đô thị theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

e7) Định hướng phát triển không gian đô thị, gồm:

- Mô hình và hướng phát triển đô thị;

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;

- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng;

- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị; trung tâm chuyên ngành cấp đô thị;

- Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn;

- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị.

e8) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, có tính đến kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bao gồm:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; đánh giá về địa hình, các tai biến địa chất, xác định các khu vực cấm, hạn chế xây dựng; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e9) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng:

+ Về môi trường tự nhiên đô thị, điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

e10) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

f) Danh mục, số lượng hồ sơ và sản phẩm

Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD; bao gồm:

f1) Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, các vùng có ảnh hưởng lớn đến không gian, kiến trúc cảnh quan trong khu quy hoạch; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến sự phát triển của khu chức năng. Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

- Các bản đồ hiện trạng gồm: Hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng xã hội, giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển; xác định các vùng

cắm, hạn chế phát triển trong khu chức năng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

- Sơ đồ định hướng phát triển không gian: Xác định cấu trúc phát triển không gian theo các khu vực chức năng; các không gian công cộng, các trục chính, không gian mở, quảng trường, công viên, mặt nước. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất các thông số kinh tế - kỹ thuật chính, các chỉ tiêu sử dụng đất của từng khu vực. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

f2) Thuyết minh: Nội dung thuyết minh của đồ án quy hoạch đô thị bao gồm:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng Điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định Mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chung đô thị phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

f3) Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

f4) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng: Nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

f5) Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

f6) Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

g) Tiến độ thực hiện: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn.

h) Dự toán thực hiện: 3.490.397.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, ba trăm chín bảy ngàn đồng*), trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch: 2.227.572.000 đồng
- Chi phí khảo sát (cả dự phòng): 618.216.000 đồng
- Chi phí cắm mốc giới quy hoạch: 293.568.000 đồng
- Chi phí khác: 351.042.000 đồng

i) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Bình Sơn chịu trách nhiệm triển khai lập đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Châu Ổ và vùng phụ cận theo đúng nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài

chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 857).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

